

BỘ CHUẨN ĐẦU RA ĐÀO TẠO
BẠC CỬ NHÂN NGÀNH GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN

*(Ban hành theo Quyết định số .../QĐ-HVPNVN ngày ... tháng ... năm 2019
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)*

1. Tên ngành, mã ngành đào tạo

- Tên tiếng Việt: Giới và Phát triển
- Tên tiếng Anh: Gender and Development
- Mã ngành đào tạo: 7310399

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Yêu cầu về kiến thức (KT)

3.1. Kiến thức chung

KT1: Hiểu, biết, phân tích được các nguyên lý, kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, và chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam.

KT2:

- Hiểu, biết và có thể vận dụng những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội trong lĩnh vực giới và phát triển;

KT3:

- Hiểu, biết và vận dụng được các kiến thức Quốc phòng - An ninh.

3.2. Kiến thức chuyên ngành

KT4: Hiểu, biết và có thể vận dụng kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chung của ngành trong phân tích, giải thích các vấn đề phụ nữ, giới và phát triển;

KT5: Nắm vững và vận dụng được các kiến thức lý thuyết về phụ nữ, giới và phát triển; các kỹ năng thực hành giới, thực hành phát triển như phân tích giới, lồng ghép giới, đánh giá tác động giới, xây dựng và quản lý phát triển, tuyên truyền vận động giới trong giải quyết các vấn đề phụ nữ, giới, vấn đề phát triển;

KT6: Hiểu, biết và vận dụng được các phương pháp tiếp cận giới, phương pháp tiếp cận phát triển để giải thích, phân tích vấn đề;

KT7: Tích lũy và áp dụng được các kiến thức lý thuyết nền tảng về phụ nữ, giới và phát triển, có khả năng phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn;

4. Yêu cầu về kỹ năng (KN)

4.1. Kỹ năng cứng (kỹ năng chuyên môn)

KN1: Có kỹ năng tư duy nhạy cảm giới, phát hiện vấn đề giới, vấn đề phát triển cần can thiệp;

KN2: Hiểu và vận dụng được các kỹ năng thực hành giới quan trọng như phân tích giới, lồng ghép giới, lập kế hoạch giới, tuyên truyền vận động giới, đánh giá tác động giới để có thể ứng dụng trong phân tích, đánh giá các chính sách, chương trình, dự án phát triển;

KN3: Có kỹ năng tham mưu đề xuất chính sách có nhạy cảm giới (gender-sensitive) và có đáp ứng giới (gender-responsive);

KN4: Có kỹ năng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến giới, phụ nữ, và phát triển, từ đó đưa ra những khuyến nghị chính sách hữu ích, góp phần thúc đẩy bình đẳng giới và nâng cao quyền năng của mỗi giới, thúc đẩy sự phát triển bền vững của cơ quan, tổ chức và cộng đồng xã hội;

KN5: Có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề giới, vấn đề phát triển ở quy mô địa phương, vùng miền.

4.2. Kỹ năng mềm

KN6: Có kỹ năng làm việc độc lập, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo;

KN7: Có kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm hiệu quả;

KN8: Có kỹ năng giao tiếp, trình bày và truyền thông;

KN9: Có khả năng thích ứng với môi trường công việc trong nước và quốc tế.

5. Yêu cầu về năng lực ngoại ngữ (NN)

5.1. Yêu cầu chung

- NN1: Có thể hiểu được ý chính khi tiếp thu (nghe, đọc) các ngôn bản chuẩn về những vấn đề quen thuộc thường gặp trong công việc, học tập, vui chơi giải trí v.v.
- NN2: Có thể xử lý hầu hết các tình huống có khả năng xảy ra khi đến những nơi có sử dụng tiếng Anh;
- NN3: Có thể tạo ra các ngôn bản có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc các đề tài phù hợp với mối quan tâm của cá nhân;
- NN4: Có thể mô tả những trải nghiệm và các sự kiện, ước mơ, hy vọng và hoài bão, đồng thời có thể lý giải cho các ý kiến và kế hoạch của mình.

5.2. Yêu cầu chi tiết

Yêu cầu về khả năng tiếp nhận ngôn ngữ

- NN5 (Nghe): Có thể hiểu được ý chính của các diễn ngôn tiêu chuẩn, rõ ràng về các chủ đề thường gặp trong công việc, học tập, vui chơi giải trí, v.v. Có thể hiểu ý chính của các chương trình truyền thanh, truyền hình về những vấn đề thời sự hoặc

các chủ đề thuộc mỗi quan tâm hoặc lĩnh vực chuyên môn của cá nhân khi các chủ đề đó được trình bày chậm rãi và rõ ràng;

- NN6 (Đọc): Có thể hiểu các văn bản trong đó chủ yếu sử dụng ngôn ngữ thường ngày hoặc liên quan đến công việc. Có thể mô tả các sự kiện, cảm giác và mong muốn trong thư từ cá nhân.

Yêu cầu về khả năng tương tác:

- NN7 (Tương tác Nói): Có thể xử lý hầu hết các tình huống có khả năng xảy ra khi đến những nơi có sử dụng tiếng Anh. Có thể tham gia vào các cuộc hội thoại về các chủ đề quen thuộc, mà cá nhân quan tâm hoặc thường gặp hàng ngày (ví dụ: gia đình, sở thích, công việc, du lịch, thời sự) mà không cần chuẩn bị trước;

- NN8 (Tương tác Viết): Có thể viết thư trao đổi riêng tư, trong đó có thể mô tả các trải nghiệm và ấn tượng của mình.

Yêu cầu về sản sinh ngôn ngữ

- NN9 (Nói): Có thể liên kết các cụm từ một cách đơn giản để mô tả các trải nghiệm và sự kiện, ước mơ, hy vọng và hoài bão. Có thể lý giải ngắn gọn về các ý kiến và kế hoạch của mình. Có thể kể chuyện hoặc liên kết các mục của một cuốn sách hoặc các cảnh của một bộ phim và mô tả cảm nhận về những vấn đề đó;

- NN10 (Viết): Có thể tạo ra một văn bản có liên quan trực tiếp đến các chủ đề quen thuộc hoặc về những vấn đề quan tâm.

Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tiếng Anh tương đương cấp độ B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu:

| Chứng chỉ B1 | IELTS | TOEFL | TOEIC | Cambridge exam | Kiểm tra đầu ra của Học viện |
|--------------|-------|---------------------------------------|-------|--------------------|------------------------------|
| 50 | 4.5 | 450 hoặc 133 CBT hoặc 45 iBT | 450 | Preliminary PET | 50 |

Các điểm số trên là điểm tối thiểu cần đạt được. Sinh viên có một trong các chứng chỉ trên là đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh.

6. Yêu cầu về năng lực tin học (IT)

- IT1: Có chứng chỉ tin học văn phòng đạt chuẩn theo quy định của nhà nước hoặc đạt yêu cầu của kỳ kiểm tra chất lượng đầu ra về tin học văn phòng do Học viện Tổ chức và được cấp giấy chứng nhận;
- IT2: Sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows, Microsoft office (Word, Excel, Power Point), khai thác tài nguyên trên mạng internet và sử dụng một số hệ thống thư điện tử;
- IT3: Có thể thiết kế các hình ảnh cơ bản, phục vụ tuyên truyền, vận động giới.

7. Yêu cầu về năng lực tự chủ (TC), tự chịu trách nhiệm (TN)

7.1. Năng lực tự chủ

- TC1: Có năng lực thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo;
- TC2: Có năng lực tự định hướng, học hỏi, thích nghi với các chuyên môn gần; thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Có sức khỏe tốt.
- TC3: Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

7.2. Năng lực tự chịu trách nhiệm

- TN1: Có trách nhiệm cao trong học tập, có đạo đức nghề nghiệp;
- TN2: Tự chịu trách nhiệm về các hành vi của mình;
- TN3: Có trách nhiệm với quốc gia, với xã hội, gia đình; tôn trọng quyền, nhân phẩm con người.

8. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chương trình cử nhân Giới và Phát triển có khả năng làm việc tại những vị trí công việc như sau:

- Là cán bộ, chuyên viên trong các cơ quan chuyên trách Hội liên hiệp Phụ nữ các cấp từ Trung ương đến địa phương;
- Là cán bộ, chuyên viên làm việc độc lập tại các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội;
- Làm chuyên gia tư vấn giới hoặc tư vấn giới, tư vấn xã hội cho các dự án, các chương trình phát triển, các tổ chức phát triển;
- Là cán bộ hoạch định chính sách, các chuyên viên làm việc trong các ban ngành từ Trung ương đến địa phương;
- Là chuyên viên, cán bộ chương trình, điều phối viên các dự án phát triển, chương trình phát triển;
- Là cán bộ, nhân viên trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các tổ chức cộng đồng;
- Là giảng viên, chuyên viên về Giới và Phát triển, nghiên cứu viên trong các nhà trường, học viện, v.v;
- Làm các vị trí công việc của các ngành chuyên môn gần, có liên quan đến con người, đến lĩnh vực phát triển.

9. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường;

- Trong quá trình học tập sinh viên có cơ hội học song ngành, được lựa chọn một trong các ngành học còn lại của Học viện.
- Sinh viên sau khi ra trường, có khả năng học tập các khóa học học ngắn hạn, dài hạn có chứng chỉ/bằng cấp hoặc không có chứng chỉ/bằng cấp, đặc biệt là ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, sau tiến sĩ các ngành về Giới, Phát triển, Phụ nữ học, các ngành gần như công tác xã hội, xã hội học.

10. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Học viện tham khảo.

- Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.
- Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Giới và Phát triển của Đại học Guelph (Canada); Địa chỉ: 50 Stone Road East, Guelph, Ontario, N1G2W1, Canada; Tel: 519-824-4120
- Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Giới tại University at Buffalo, The State University of New York; Tên cơ sở đào tạo ở nước ngoài: University at Buffalo (The State University of New York), Mỹ; Địa chỉ: 12 Capen Hall, Buffalo, New York 14260-1660; Tel: 716-645-2000
- Ngoài ra, Học viện Phụ nữ Việt Nam cũng đã tham khảo phương pháp đào tạo, chương trình đào tạo Giới của nhiều trường ĐH khác trên thế giới và khu vực như Học viện Xã hội học (Hà Lan), ĐH Waikato, ĐH Auckland (New Zealand), ĐH Phụ nữ Ewha (Hàn Quốc), Chương trình GEMMA (Giới và Phụ nữ học) của Ủy ban Châu Âu...

11. Ma trận chuẩn đầu ra (xem bảng ở cuối tài liệu)

12. Kế hoạch và cam kết thực hiện Chuẩn đầu ra

12.1 Kế hoạch thực hiện chuẩn đầu ra:

Để đạt được chuẩn đầu ra trên đây, Học viện xây dựng một số giải pháp chủ yếu thực hiện như sau:

- Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra; thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của bối cảnh hội nhập quốc tế, của thị trường và nhà tuyển dụng lao động.
- Tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả người học và các hoạt động đảm bảo chất lượng một cách nghiêm túc, đúng quy định;
- Đào tạo, tuyển dụng đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng.
- Đảm bảo có đầy đủ thiết bị, phương tiện phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng; đủ giáo trình, tài liệu, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ học tập cho sinh viên. Phối hợp, kết nối chặt chẽ với các cơ quan và nhà tuyển dụng để xây dựng cơ sở thực hành, thực tập, nghiên cứu và tuyển dụng người học.

12.2. Cam kết thực hiện chuẩn đầu ra

Học viện Phụ nữ Việt Nam cam kết tổ chức đào tạo và đánh giá khách quan kết quả học tập, rèn luyện của học viên theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam./.

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN



TS. Trần Quang Tiến



A handwritten signature in the bottom right corner of the page.

MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CỦA NGÀNH GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN

| S T T | Tên Học phần | Yêu cầu về Kiến thức (KT) | | | | | | | Yêu cầu về Kỹ năng (KN) | | | | | | | | | Yêu cầu về Năng lực tự chủ (TC), tự chịu trách nhiệm (TN) | | | | | | | |
|-------------|--|---------------------------|----|----|----|----|----|----|-------------------------|----|----|----|----|----|----|----|----|---|----|----|----|----|----|----|---|
| | | KT | KT | KT | KT | KT | KT | KT | KN | KN | KN | KN | KN | KN | KN | KN | KN | KN | TC | TC | TC | TN | TN | TN | |
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 1 | 2 | 3 | 1 | 2 | 3 | | |
| 1. | Các môn chính trị | X | - | - | - | - | - | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | - | - | - | X | - | X | |
| 2. | Tiếng Anh cơ bản | - | X | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | - | - | - | X | - | - |
| 3. | Tiếng Anh chuyên ngành | - | X | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | - | - | - | X | - | - |
| 4. | Giáo dục thể chất | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | X | X | X | X | X | X | - | |
| 5. | Giáo dục quốc phòng an ninh | - | - | X | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | X | |
| 6. | Xã hội học đại cương | - | X | - | X | - | - | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | - | - | - | X | X | X |
| 7. | Pháp luật đại cương | - | - | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | - | - | - | X | X | X |
| 8. | Phương pháp nghiên cứu khoa học | - | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | - | - | - | X | X | X |
| 9. | Cơ sở văn hóa Việt Nam | - | - | - | - | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | - | - | - | - | - | X |
| 10. | Soạn thảo văn bản | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | X | X | X | X | X | X | - | - | - | - | - | - |
| 11. | Kỹ năng giao tiếp | - | - | X | - | - | - | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 12. | Kỹ năng sống | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | X | X | X | X | X | X | - | - | - | - | - | - |
| 13. | Kỹ năng xây dựng và phát triển nhóm làm việc | - | - | X | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | X | X | X | X | X | - | - | - | - | - | X |
| 14. | Nghiên cứu khoa học sinh viên | - | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | - | - | - | X | X | X |



| S | Tên Học phần | Yêu cầu về Kiến thức (KT) | | | | | | | Yêu cầu về Kỹ năng (KN) | | | | | | | | | Yêu cầu về Năng lực tự chủ (TC), tự chịu trách nhiệm (TN) | | | | | | |
|-----|---------------------------------|---------------------------|------|------|------|------|------|------|-------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|---|------|------|------|------|------|---|
| | | KT 1 | KT 2 | KT 3 | KT 4 | KT 5 | KT 6 | KT 7 | KN 1 | KN 2 | KN 3 | KN 4 | KN 5 | KN 6 | KN 7 | KN 8 | KN 9 | TC 1 | TC 2 | TC 3 | TN 1 | TN 2 | TN 3 | |
| 15. | Lý thuyết phát triển | - | x | - | x | - | - | x | x | x | - | x | - | - | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 16. | Phát triển cộng đồng | - | x | - | x | - | - | x | x | x | - | x | - | - | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 17. | Nhập môn Giới và Phát triển | - | x | - | x | - | - | x | x | x | - | x | - | - | - | - | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 18. | Phụ nữ học | - | x | - | x | - | - | x | x | x | - | x | - | - | - | - | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 19. | Tâm lý học đại cương | - | - | - | - | - | - | x | x | x | - | x | - | - | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 20. | Điều tra xã hội học | - | - | - | x | - | - | x | x | x | - | x | - | - | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 21. | Dân số và phát triển | - | x | - | x | - | - | x | x | x | - | x | - | - | - | - | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 22. | Tâm lý học giới | - | x | - | x | - | - | x | x | x | - | x | - | - | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 23. | Quyền con người | - | x | - | x | - | - | x | x | x | - | x | - | - | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 24. | Pháp Luật Bình đẳng giới | - | x | - | x | - | - | x | x | x | - | x | - | - | - | - | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 25. | Phân tích giới | - | x | - | x | - | - | x | x | x | - | x | - | - | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 26. | Lồng ghép giới | - | x | - | x | - | - | x | x | x | - | x | - | - | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 27. | Giới trong chính trị | - | x | - | x | - | - | x | x | x | - | x | - | - | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 28. | Giới trong chính sách công | - | x | - | x | - | - | x | x | x | - | x | - | - | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 29. | Giới trong kinh tế và quản trị | - | x | - | x | - | - | x | x | x | - | x | - | - | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 30. | Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo | - | - | - | x | - | - | x | x | x | - | x | - | - | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |

| S T T | Tên Học phần | Yêu cầu về Kiến thức (KT) | | | | | | | Yêu cầu về Kỹ năng (KN) | | | | | | | Yêu cầu về Năng lực tự chủ (TC), tự chịu trách nhiệm (TN). | | | | | | | |
|-------------|--|---------------------------|----|----|----|----|----|----|-------------------------|----|----|----|----|----|----|--|----|----|----|----|----|----|---|
| | | KT | KT | KT | KT | KT | KT | KT | KN | KN | KN | KN | KN | KN | KN | KN | TC | TC | TC | TN | TN | TN | |
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 1 | 2 | 3 | 1 | 2 | 3 |
| 31. | Giới và an sinh xã hội | - | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 32. | Giới trong giáo dục và đào tạo | - | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 33. | Giới trong dân số và gia đình | - | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 34. | Giới trong khoa học và công nghệ | - | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 35. | Giới và truyền thông đại chúng | - | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 36. | Đánh giá tác động giới | - | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 37. | Giới trong chăm sóc sức khỏe | - | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 38. | Nghiệp vụ công tác phụ nữ | - | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 39. | Giới trong phát triển nông thôn bền vững | - | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 40. | Giới, văn hóa và phát triển | - | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 41. | Giới và môi trường | - | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 42. | Phòng chống bạo lực trên cơ sở giới | - | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |

| S T T | Tên Học phần | Yêu cầu về Kiến thức (KT) | | | | | | | Yêu cầu về Kỹ năng (KN) | | | | | | | Yêu cầu về Năng lực tự chủ (TC), tự chịu trách nhiệm (TN) | | | | | | | | |
|-------------|--|---------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|-------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---|
| | | KT 1 | KT 2 | KT 3 | KT 4 | KT 5 | KT 6 | KT 7 | KN 1 | KN 2 | KN 3 | KN 4 | KN 5 | KN 6 | KN 7 | KN 8 | KN 9 | TC 1 | TC 2 | TC 3 | TN 1 | TN 2 | TN 3 | |
| 43. | Kỹ năng tuyên truyền vận động giới | - | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 44. | Kỹ năng xây dựng và quản lý dự án phát triển | - | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 45. | Kỹ năng lãnh đạo | - | - | - | - | - | - | - | X | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 46. | Thực hành phân tích, lồng ghép giới | - | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 47. | Thực hành xây dựng và quản lý dự án phát triển | - | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 48. | Thực hành tuyên truyền vận động giới | - | X | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 49. | Thực tập nghề nghiệp (báo cáo thực tập) | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 50. | Khóa luận tốt nghiệp | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 51. | Các môn học thay thế khóa luận | - | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |

